

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/HS-PT
Ngày: 15 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Tư

Ông Lê Thành Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 123/2021/TLPT-HS ngày 08 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc Đức E, Nguyễn Ngọc Đ và Nguyễn Trường H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2021/HS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Ngọc Đức E, sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: số 308/4D, khóm A, Phường B, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Võ Thị Thu H; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm: 1982.

Nơi cư trú: số 308/4D, khóm A, Phường B, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: giáo viên; bị cáo là Đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 15/01/2021 đến nay; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Võ Thị Thu H; có vợ Phan Thị Ch và 02 người con; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Trường H, sinh năm: 1987.

Nơi cư trú: ấp PLA, xã PH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ Huỳnh Liên Ng (đã ly hôn) và 01 người con; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra bị cáo Nguyễn Tấn L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Văn Th, Nguyễn Văn Th, Trần Thế B, Nguyễn Văn M, Lê Chí C không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 9/2019, bị cáo Nguyễn Ngọc Đức E thông qua mạng xã hội zalo quen biết một người tên Lê Văn H (không rõ địa chỉ cụ thể, có số điện thoại liên lạc là 0949944522), qua liên lạc trao đổi Hưng nói có biết người làm giấy phép lái xe (sau đây viết tắt là GPLX) ô tô các hạng với hình thức không học, không thi, có hồ sơ gốc và có thể đổi trên 63 tỉnh thành, giấy phép lái xe được cấp là thật và H cho Đức E số điện thoại của người trực tiếp làm GPLX ở Thành phố Hồ Chí Minh có số điện thoại liên lạc là 0941412571.

Sau đó, bị cáo Đức E trực tiếp liên hệ qua số điện thoại 0941412571 và được chủ thuê bao hướng dẫn kết bạn zalo với tài khoản tên “Nguyễn Tiến Đồng” (Đức E không nhớ số điện thoại để đăng nhập tìm kiếm). Sau khi kết bạn zalo, Đức E được chủ tài khoản “Nguyễn Tiến Đồng” hướng dẫn thủ tục làm các loại GPLX ô tô như H giới thiệu. Cụ thể: Đức E chụp ảnh giấy CMND và ảnh 4x6; GPLX hạng B2, C đối với các trường hợp nâng hạng của người muốn làm GPLX gửi qua tài khoản zalo “Nguyễn Tiến Đồng”. Thời gian làm GPLX khoảng vài tuần, khi có kết quả chủ tài khoản “Nguyễn Tiến Đồng” gửi hình ảnh GPLX cho Đức E kiểm tra thông tin và tra cứu trên mạng, sau đó sẽ gửi GPLX và hồ sơ gốc qua đường bưu điện theo địa chỉ mà Đức E cung cấp. Giá tiền từng hạng GPLX như sau: B2 là 12.000.000 đồng; D là 14.000.000 đồng; E là 16.000.000 đồng, đối với các trường hợp không có bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở để nâng hạng GPLX theo quy định thì chủ tài khoản “Nguyễn Tiến Đồng” cũng nhận nhưng làm bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông (Sau đây viết tắt là TNTHPT) với giá 4.000.000 đồng. Chủ tài khoản “Nguyễn Tiến Đồng” nhận tiền cọc từ 2.000.000 đến 4.000.000 đồng mỗi trường hợp lúc nhận hồ sơ, số còn lại thanh toán đủ sau khi nhận GPLX, thanh toán thông qua hình thức chuyển khoản vào các tài khoản ngân hàng mà chủ tài khoản “Nguyễn Tiến Đồng” cung cấp. Ngoài ra, chủ tài khoản “Nguyễn Tiến Đồng” còn cung cấp địa chỉ website là “Tracuugplx.com” để bị cáo Đức E tra cứu tính hợp pháp của các GPLX.

Sau khi nắm rõ cách thức làm GPLX giả, khoảng tháng 10/2019, bị cáo Đức E hướng dẫn anh ruột là bị cáo Nguyễn Ngọc Đ tìm người có nhu cầu làm GPLX mà không cần học, không cần thi để nhận hồ sơ giao lại cho Đức E. Thông qua quan hệ quen biết với Trần Thiện X, bị cáo Đ nói với X là có người em biết nơi làm GPLX bao đầu tất cả các phần thi (lý thuyết và sát hạch), có hồ sơ gốc và tra cứu có thông tin, GPLX được cấp là thật, nếu biết ai có nhu cầu thì giới thiệu cho Đ để giúp đỡ (nhận làm cho người có nhu cầu). Sau đó X cho bị cáo Đ số điện thoại của Nguyễn Tấn L và Trần Văn Th để Đức tự liên hệ. Sau khi liên hệ với L và Th, Đ nói rõ cách thức và chi phí làm GPLX thì L và Th đồng ý. Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ đã nhận làm GPLX cho L và Th để giao lại cho Đức E như sau:

- Nguyễn Tấn L làm GPLX hạng B2 (*kèm hồ sơ gốc giả*). Đ nhận hình ảnh và giấy chứng minh nhân dân do L cung cấp và số tiền 12.000.000 đồng (nhận hai lần, mỗi lần là 6.000.000 đồng) để giao lại cho Đức E. Sau khi có GPLX hạng B2 (*kèm hồ sơ gốc giả*), bị cáo Đức E trực tiếp nhận qua kênh giao hàng nhanh để giao lại cho bị cáo Đ, bị cáo Đ giao lại cho L.

- Trần Văn Th làm GPLX hạng B2 (*kèm hồ sơ gốc giả*). Đ nhận hình ảnh và giấy chứng minh nhân dân do Th cung cấp và số tiền 12.000.000 đồng (nhận hai lần, mỗi lần là 6.000.000 đồng). Sau khi có GPLX hạng B2 (*kèm hồ sơ gốc giả*), bị cáo Đức E trực tiếp nhận qua kênh giao hàng nhanh để giao lại cho bị cáo Đ, bị cáo Đ giao lại cho Th.

Vào khoảng tháng 10/2019, bị cáo Đức E nhận làm GPLX hạng D (*kèm hồ sơ gốc giả*) cho bị cáo H, giá 14.000.000 đồng (*thanh toán hai lần, mỗi lần là 7.000.000 đồng*). Sau đó, bị cáo Đức E trao đổi, hướng dẫn bị cáo H nếu có người cần làm GPLX nhưng không học, không thi thì nhận hồ sơ để giao cho bị cáo Đức E làm, tiền thanh toán có thể lấy cao hơn giá gốc 1.000.000 đồng/01 GPLX, mỗi người chia 500.000 đồng, bằng TNTHPT thì mỗi người hưởng 250.000 đồng/1 bằng, bị cáo H đồng ý thực hiện theo đề nghị của bị cáo Đức E. Từ cuối tháng 10/2019 đến khoảng tháng 01/2020, nhờ sự giới thiệu của Trần Thanh Q, bị cáo H trực tiếp nhận, sau đó giao lại cho bị cáo Đức E làm GPLX và bằng TNTHPT cho 04 (*Bốn*) người như sau:

- Nguyễn Văn Th làm GPLX hạng E và bằng TNTHPT, bị cáo H trực tiếp nhận hình ảnh và giấy chứng minh nhân dân do Th cung cấp và số tiền 20.250.000 đồng để giao lại cho Đức E chuyển cho chủ tài khoản zalo “Nguyễn Tiến Đồng”. Sau khi có GPLX hạng E và bằng TNTHPT, bị cáo Đức E trực tiếp nhận qua kênh giao hàng nhanh để giao lại cho bị cáo H, bị cáo H giao lại cho Th.

- Trần Thế B làm GPLX hạng D, bị cáo H trực tiếp nhận hình ảnh và giấy chứng minh nhân dân do B cung cấp và số tiền 14.500.000 đồng để giao lại cho bị cáo Đức E chuyển cho chủ tài khoản zalo “Nguyễn Tiến Đồng”. Sau khi có GPLX hạng D, bị cáo Đức E trực tiếp nhận qua kênh giao hàng nhanh để giao lại cho bị cáo H, bị cáo H giao lại cho B.

Lê Chí C làm GPLX hạng D và bằng TNTHPT, bị cáo H trực tiếp nhận hình ảnh và giấy chứng minh nhân dân do C cung cấp và số tiền 18.250.000 đồng để giao lại cho bị cáo Đức E chuyển cho chủ tài khoản zalo “Nguyễn Tiến Đồng”. Sau khi có GPLX hạng D, Đức E trực tiếp nhận qua kênh giao hàng nhanh để giao lại cho bị cáo H, bị cáo H giao lại cho C.

Nguyễn Văn M làm GPLX hạng D; bị cáo H trực tiếp nhận hình ảnh và giấy chứng minh nhân dân do M cung cấp và số tiền 14.500.000 đồng để giao lại cho bị cáo Đức E chuyển cho chủ tài khoản zalo “Nguyễn Tiến Đồng”. Sau khi có GPLX hạng D, bị cáo Đức E trực tiếp nhận qua kênh giao hàng nhanh để giao lại cho bị cáo H, bị cáo H giao lại cho M.

Bị cáo Nguyễn Tấn L đang học lái xe mô tô hạng A1 tại trường dạy nghề số 9 - Bộ quốc phòng. Sau khi có được GPLX hạng B2 giả, bị cáo Nguyễn Tấn L mang đi nộp ở trường dạy nghề số 9 - Bộ quốc phòng để được miễn phần thi lý thuyết khi tham gia thi sát hạch GPLX hạng A1. Ngày 17/01/2020, thanh tra Sở GTVT tỉnh Vĩnh Long phát hiện GPLX của L là không hợp pháp và tiến hành lập biên bản đối với hành vi trên.

Tổng số tiền bị cáo Đức E nhận của tất cả 07 trường hợp là 105.500.000 đồng trong đó thanh toán cho chủ tài khoản zalo “Nguyễn Tiến Đồng” 103.000.000 đồng. bị cáo Đức E hưởng lợi là 2.500.000 đồng.

Qua làm việc, những người làm GPLX, bằng THPT kèm hồ sơ đã tự nguyện giao nộp 07 GPLX ô tô và hồ sơ liên quan, bao gồm:

02 GPLX hạng B2, 01 GPLX hạng D do Sở giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

01 GPLX hạng D, 01 GPLX hạng E do sở GTVT tỉnh An Giang cấp.

02 GPLX hạng D do Sở GTVT tỉnh Sóc Trăng cấp.

07 giấy khám sức khỏe gồm: 03 do bệnh viện Quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh cấp; 02 do bệnh viện Đa khoa tỉnh Sóc Trăng cấp; 02 do bệnh viện Đa khoa tỉnh An Giang cấp.

07 bộ hồ sơ gốc thi sát hạch lái xe (mỗi bộ hồ sơ gồm: 01 giấy chứng nhận tốt nghiệp, 01 chứng chỉ sơ cấp nghề, 01 biên bản tổng hợp kết quả xác hạch lái xe ô tô, 01 đơn đề nghị sát hạch) thuộc 03 cơ quan, tổ chức đào tạo sát hạch lái xe gồm: Ba hồ sơ của Trường dạy nghề tư thực lái xe Tiến Bộ thuộc Sở LĐTB và XH Thành phố Hồ Chí Minh, hai hồ sơ của Trung tâm sát hạch lái xe An Giang thuộc Sở LĐTB và XH tỉnh An Giang, hai hồ sơ của Trung tâm đào tạo lái xe tàu Sóc Trăng thuộc Sở LĐTB và XH tỉnh Sóc Trăng.

01 bằng tốt nghiệp THPT do sở GD & ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Kết quả xác minh tại các cơ quan, tổ chức có liên quan thì các tài liệu nêu trên không do các cơ quan, tổ chức này cấp, phát hành.

Cơ quan điều tra đã tiến hành Trưng cầu giám định 08 con dấu, 09 tài liệu đủ cơ sở thực hiện việc giám định.

Căn cứ các bản kết luận giám định số 215/KLGD-PC09 ngày 03/6/2020; số 599/KLGD-PC09 ngày 23/12/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long xác định: 08 con dấu và 09 tài liệu đều là giả. Tổng số là 17 con dấu, tài liệu giả.

Như vậy, bị cáo Đức E đã làm 17 con dấu, tài liệu giả; bị cáo H đã làm 08 con dấu tài liệu giả, bị cáo Đ đã làm 06 con dấu, tài liệu giả; bị cáo L đã làm 01 con dấu, tài liệu giả.

Đối với Trần Văn Th, Nguyễn Văn Th, Trần Thế B, Lê Chí C, Nguyễn Văn M. Qua kết quả điều tra xác định họ chưa sử dụng các giấy tờ giả để thực hiện hành vi trái pháp luật nên hành vi đó không cấu thành tội phạm, hiện những người này đã nộp lại tất cả giấy tờ giả cho Cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Trần Thiện X, Trần Thanh Q có hành vi giới thiệu cho Đ và Hiếu làm giấy tờ giả nhưng không có tham gia vào việc cung cấp hình ảnh, giấy chứng minh nhân dân hay giao GPLX, thu tiền nên hành vi không cấu thành tội phạm. Đối với Nguyễn Đăng Vi B xin số điện thoại của H từ Q để cho C liên hệ trao đổi, mặc dù có hưởng lợi nhưng bản thân không biết về nội dung làm giả nên hành vi không có dấu hiệu của tội phạm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2021/HSST ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố VL đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc Đức E, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Trường H phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đức E 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án hoặc ngày bị áp giải đi chấp hành án.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án hoặc ngày bị áp giải đi chấp hành án.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án hoặc ngày bị áp giải đi chấp hành án.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Đức E nộp lại số tiền 65.500.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử phạt bị cáo L 30.000.000 đồng, buộc bị cáo nộp sung công quỹ Nhà nước; buộc bị cáo H nộp lại số tiền 500.000 đồng sung công quỹ Nhà nước; quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 6 năm 2021 bị cáo Nguyễn Ngọc Đ kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 bị cáo Nguyễn Ngọc Đức E kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo xin miễn số tiền nộp sung quỹ nhà nước là 65.500.000đ, bị cáo đồng ý nộp số tiền hưởng lợi là 2.500.000đ

Ngày 22 tháng 6 năm 2021 bị cáo Nguyễn Trường H kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày: các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm: sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2021/HS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đức E 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án hoặc ngày bị áp giải đi chấp hành án.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án hoặc ngày bị áp giải đi chấp hành án.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án hoặc ngày bị áp giải đi chấp hành án.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Đức E nộp lại số tiền 65.500.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố VL; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo: căn cứ vào kết quả điều tra, cho thấy trong thời gian từ khoảng tháng 9/2019 bị cáo Nguyễn Ngọc Đức E đã có hành vi làm giả các loại giấy phép lái xe, bằng tốt nghiệp không phải học, không phải thi với giá giấy phép lái xe hạng B2 giá 12.000.000 đồng, hạng D giá 14.000.000 đồng, hạng E giá 16.000.000 đồng, bằng tốt nghiệp phổ thông trung học giá 4.000.000 đồng. Bị cáo chuyển cho tài khoản zalo “Nguyễn Tiến Đồng” thực hiện việc làm giả, bị cáo hưởng lợi 500.000 đồng/giấy phép lái xe giả và 250.000 đồng/bằng tốt nghiệp giả. Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2019 đến khi bị phát hiện bị cáo đã làm giả 17 con dấu và tài liệu giả gồm: Nguyễn Trường H 01 giấy phép lái xe hạng D kèm hồ sơ gốc giả (hồ sơ gồm giấy chứng nhận tốt nghiệp, 01 chứng chỉ sơ cấp nghề, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 đơn đề nghị sát hạch, giấy khám sức khỏe). Bị cáo Nguyễn Trường H làm giả cho Nguyễn Văn Th giấy phép lái xe hạng E và bằng tốt nghiệp phổ thông trung học (kèm hồ sơ gốc giả), làm giả cho Trần Thế Bảo giấy phép lái xe hạng D và bằng tốt nghiệp phổ thông trung học, làm giả cho Lê Chí Cường giấy phép lái xe hạng D và bằng tốt nghiệp phổ thông trung học (kèm hồ sơ gốc giả), làm giả cho Nguyễn Văn M giấy phép lái xe hạng D và bằng tốt nghiệp phổ thông trung học (kèm hồ sơ gốc giả). Như vậy, bị cáo H đã cùng với Đ làm giả 04 loại giấy phép lái xe (gồm 8 tài liệu giả).

Đối với Nguyễn Ngọc Đ đã tư vấn bị cáo Đ nhận trực tiếp từ bị cáo Nguyễn Tấn L giấy phép lái xe hạng B2 (kèm hồ sơ gốc giả, trong đó có 03 tài liệu giả) và Trần Văn Th giấy phép lái xe hạng B2 (kèm hồ sơ gốc giả, trong đó có 03 tài liệu giả). Nguyễn Tấn L đã sử dụng nộp cho trường dạy nghề số 9 để được miễn phần thi lý thuyết thì bị phát hiện.

Do đó cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Ngọc Đức E, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Trường H phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ.

Đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc Đức E, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Trường H xin được hưởng án treo và xin giảm nhẹ hình phạt là không căn cứ.

[3] Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo là không có căn cứ, vì các bị cáo phạm tội nhiều lần. Đối chiếu với Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày

15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, các bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo.

[4] Đối với kháng cáo của các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh gia đình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các tình tiết giảm nhẹ này đã được xem xét tại cấp sơ thẩm, ngoài ra bị cáo H còn cho rằng bị cáo là người tố giác tội phạm, tuy nhiên tình tiết này không thể hiện trong hồ sơ vụ án. Mức án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[5] Đối với kháng cáo của bị cáo Đức E, xin không nộp 65.500.000 đồng là không có căn cứ vì qua xác minh số tiền bị cáo Đức E nhận và cho rằng nộp cho tài khoản khác nhưng kiểm tra không có tài khoản bị cáo khai đã nộp, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin miễn nộp 65.500.000 đồng.

[6] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: do không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[8] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc Đức E, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Trường H; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 37/2021/HS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố VL.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đức E 04 (Bốn) năm tù, về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án hoặc ngày bị áp giải đi chấp hành án.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường Hi 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo chấp hành án

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 03 (Ba) năm tù, về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo chấp hành án

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Đức E nộp lại số tiền 65.500.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc Đức E, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Trường H mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND TPVL: 02;
- VKSND + CQĐT TPVL: 02;
- CQTHADS + THAHS TPVL: 02;
- TG + BC: 04;
- PHSCAVL: 01;
- STP: 01;
- P KTNV: 01;
- UBND, CA Phường B, xã PH: 02;
- Lưu VP, lưu hồ sơ vụ án: 02;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Kiều Duyên

